

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS - ST

Ngày: 06- 3- 2020

V/v “Tranh chấp về yêu cầu xin lỗi, cải
chính công khai và bồi thường thiệt hại ngoài
hợp đồng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thy Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Phương.

2. Ông Nguyễn Văn Đời.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành- Thư ký Tòa án của TAND
quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương Thu- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 06 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân
quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:
127/2019/TLST- DS ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp về yêu cầu
xin lỗi, cải chính công khai và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 12 năm 2019,
Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST- DS ngày 15 tháng 01 năm 2020

và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST- DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Mai Đăng H**, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Số 36 Đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **Ngô Văn D**; Sinh năm: 1964. Địa chỉ: Số 33 Đường P, phường A, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo giấy ủy quyền được Chủ tịch UBND phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng chứng thực ngày 30/01/2020. Có mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Mai Đăng H: Ông Nguyễn Doãn H, sinh năm 1983 - Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên quốc tế Đ, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Tầng 5 Tòa nhà Lighthouse, Số 1254 Đường X, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần C**. Địa chỉ trụ sở: Lô C3-7 KCN Dịch vụ thủy sản Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Kamogari Y– Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Ngọc Khánh Q, Sinh năm: 1993; CMND số: 201653801 do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/6/2019; Bà Nguyễn Thị Kim Y, căn cước công dân số: 068195000149 do Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/9/2019; bà Hồ Tường V, CMND số: 261507606 do Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 21/4/2014 theo Giấy ủy quyền ngày 14/10/2019 của Công ty Cổ phần C. Bà Q có mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Công ty Cổ phần C: Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1978 - Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn DIMAC, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Phòng 304, Tầng 3 Tòa nhà Capital Place, số 6 Đường T, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Kamogari Y**, sinh năm 1980; Nguyên quán: Hanamigawa-ku, Chiba-shi, Nhật Bản; Địa chỉ liên lạc: Lô C3-7 KCN Dịch vụ thủy sản Đ, quận

S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Ngọc Khánh Q, CMND số: 201653801 do Công an thành phố Đ cấp ngày 18/6/2019; Bà Nguyễn Thị Kim Y, căn cước công dân số: 068195000149 do Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/9/2019 theo Giấy ủy quyền ngày 05/12/2019 của ông Kamogari Y. Bà Q có mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông **Kamogari Y**: Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1978 - Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn DIMAC, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Phòng 304, Tầng 3 Tòa nhà Capital Place, số 6 Đường T, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

3.2. Ông **Imura T**, sinh năm: 1980. Chức vụ: Quản lý sản xuất tại Công ty Cổ phần C. Địa chỉ liên hệ: Lô C3-7 KCN Dịch vụ thủy sản Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Ngọc Khánh Q CMND số: 201653801 do Công an thành phố Đ cấp ngày 18/6/2019; Bà Nguyễn Thị Kim Y, căn cước công dân số: 068195000149 do Cục cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/9/2019 theo Giấy ủy quyền ngày 14/10/2019 của ông Imura T. Bà Q có mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **Imura T**: Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1978 - Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn DIMAC, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Phòng 304, Tầng 3 Tòa nhà Capital Place, số 6 Đường T, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Công ty Cổ phần C (**Công ty C**) được thành lập vào ngày 27 tháng 5 năm 2013 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 322032000274 do Ban Quản Lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Đ cấp, trụ sở tại Lô C3-7 KCN Dịch vụ thủy sản Đ, Quận S, Thành phố Đà Nẵng. Công ty C được thành lập từ hai cổ đông là Công ty cổ phần C1 và ông Nguyễn Xuân T. Vốn điều lệ là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng) tương đương 100.000 đô la Mỹ, theo tỷ lệ vốn góp ban đầu thể

hiện trên Giấy chứng nhận đầu tư là Công ty C1 góp số tiền là 1.071.000.000 đồng chiếm tỷ lệ là 51% và ông T góp vốn là 1.029.000.000 đồng chiếm tỷ lệ sở hữu là 49%, vào ngày 29/01/2015 Công ty C điều chỉnh lần 2 theo tỷ lệ vốn góp là Công ty C1 góp 1.365.000.000 đồng chiếm tỷ lệ là 65% và ông T góp 735.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 35% vốn điều lệ của Công ty C. Người đại diện theo pháp luật ông Kamogari Y, chức vụ: Tổng giám đốc.

Sau khi thành lập, Công ty C ký kết nhiều Hợp đồng kinh tế với nhiều nhà thầu để hoàn thiện toàn bộ cơ sở vật chất, hạ tầng của Công ty C trước khi đi vào hoạt động chính thức. Các Hợp đồng kinh tế này đều được ký kết vào năm 2013 và được hoàn thành trong năm cũng như các bên đã tiến hành thanh lý Hợp đồng một cách hợp pháp.

Sau một thời gian hoạt động và phát sinh các vấn đề liên quan đến công trình vật chất hạ tầng do các nhà thầu thực hiện cụ thể là Công ty TNHH TM&KT Phan N, Công ty TNHH Cơ khí XD&TM Trường T, Công ty cổ phần T, Công ty cổ phần Thương mại & Kỹ Thuật T cũng như những vấn đề trong nội bộ ban lãnh đạo của Công ty C, liên quan đến khoản tiền góp vốn, rút tiền và thu chi tài chính trong nội bộ công ty...

Đối với việc tranh chấp giữa Công ty C với các nhà thầu, điều này đã được quy định rõ và việ dẫn trong các hợp đồng kinh tế tức là khi xảy ra tranh chấp và một trong các bên cho rằng quyền và lợi ích của mình bị xâm hại thì bên đó có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu đền bù thiệt hại và phạt vi phạm. Tuy nhiên, bản thân ông Y đại diện theo pháp luật của Công ty C lại không thực hiện theo luật Việt Nam mà lại làm đơn theo con đường ngoại giao gửi thư lên Đại sứ quán Nhật để yêu cầu hỗ trợ và gửi đơn tố cáo các nhà thầu này ra Cơ quan Công an Thành phố Đà Nẵng.

Do không nắm được quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng kinh tế, không nắm rõ vấn đề tài chính, với động cơ cá nhân nhằm hạ thấp xúc phạm danh dự của người khác.... ngày 21/9/2016 Ông Y đã tự ký đơn tố cáo và sử dụng con dấu của Công ty C mà không thông qua bất kỳ cuộc họp nào trong

hội đồng quản trị của Công ty để tố cáo các nhà thầu, thành viên góp vốn của Công ty C và cũng là thành viên hội đồng quản trị là ông Nguyễn Xuân T cùng ông Mai Đăng H (một người không hề liên quan đến Công ty C cũng như các hợp đồng kinh tế mà Công ty C đã ký kết với các nhà thầu).

Đơn tố cáo của Công ty C do ông Y là người đại diện theo pháp luật đối với ông Mai Đăng H về những vấn đề: Ông Mai Đăng H đã can thiệp vào hoạt động kinh doanh của Công ty C, ông H đã cấu kết với phó Tổng giám đốc người Việt Nam nhằm chiếm đoạt vốn đầu tư gần 01 triệu đô la của nhà đầu tư Nhật Bản, ông Mai Đăng H cấu kết với nhà đầu tư xây dựng để rút ruột công trình từ 700 triệu đồng đến 1,1 tỷ đồng và ông H đã có lời lẽ đe dọa xâm hại tính mạng của nhà đầu tư Nhật Bản. Việc tố cáo trên của Công ty C là hoàn toàn bịa đặt, không đúng sự thật, có ý vu khống nhằm làm ảnh hưởng đến uy tín và danh dự của ông H. Ông H không can thiệp vào bất kỳ hoạt động kinh doanh nào của Công ty C. Tại Văn bản thống nhất cùng giải quyết những vấn đề tồn đọng sau nhiệm kỳ 5 năm của Công ty C ngày 21/07/2018, Biên bản họp hội đồng cổ đông của Công ty C ngày 21/11/2018, ngày 18/01/2019 nhà đầu tư Nhật Bản là ông Kamogari H và nhà đầu tư Việt Nam là ông Nguyễn Xuân T đều thừa nhận và thống nhất rằng ông Nguyễn Xuân T sở hữu số tiền 11.553.787.488 đồng chiếm tỷ lệ 35% vốn điều lệ trong Công ty C, Công ty C1 sở hữu số tiền 21.457.033.907 đồng chiếm tỷ lệ 65% vốn sở hữu của Công ty C. Như vậy, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần hai ngày 29/01/2015 và đến thời điểm biên bản họp hội đồng cổ đông thống nhất trong Công ty C ngày 18/01/2019 thì ông T vẫn sở hữu 35% vốn góp và số tiền tương đương chứ không thay đổi. Do đó, việc ông Y tự đưa ra quan điểm cá nhân cho rằng ông T cùng ông Mai Đăng H lừa đảo rút tiền và gây ra tổn thất lớn cho Công ty C là hoàn toàn bịa đặt vô căn cứ.

Sau khi có đơn tố cáo của Công ty C, danh dự và uy tín của ông H bị xâm phạm nghiêm trọng. Ngày 11/11/2016 ông H nhận quyết định điều động công chức lãnh đạo quản lý từ phó giám đốc Sở ngoại vụ thành phố Đ đến nhận công tác tại Sở nội vụ thành phố Đ. Ngày 12/01/2017 ông H được nhận thông báo về

việc phân công nhiệm vụ đối với công chức làm nhân viên Phòng tổ chức biên chế Sở nội vụ thành phố Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của ông H có cung cấp cho Tòa án Quyết định số 1559/QĐ- UBND ngày 17/2/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc thi hành kỷ luật công chức bằng hình thức cảnh cáo đối với ông Mai Đăng H.

Những cáo buộc của Công ty C đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của ông H. Chính vì sức ép dư luận quá lớn khiến sức khỏe của ông H bị ảnh hưởng trầm trọng, vào tháng 9 và tháng 10/2017 ông H đã phải nhập viện tại Bệnh viện đa khoa quốc tế Vũ Anh và được chẩn đoán tăng huyết áp, viêm dây thần kinh ngoại biên và rối loạn chức năng tiền đình. Toàn bộ chi phí viện phí và chi phí đi lại trong quá trình điều trị là 36.640.935 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét buộc bị đơn là Công ty C phải giải quyết các vấn đề sau đây cho ông H:

1. Phải đưa ra thông tin xin lỗi, cải chính công khai do hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín đối với ông Mai Đăng H;

2. Yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của mình gây ra với số tiền là 49.640.935 đồng (Bốn mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng), chi tiết bao gồm:

- + Khoản tiền để điều trị sức khỏe trong thời gian bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm là 36.640.935 đồng;

- + Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm: 13.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án ông Mai Đăng H đã nộp cho Tòa án và có trách nhiệm sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ cho bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đầy đủ.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Công ty Cổ phần C (Công ty C), có trụ sở

chính đặt tại Lô C3-7 Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Đ, Quận S, Thành phố Đà Nẵng là bị đơn trong vụ tranh chấp có nguyên đơn là ông Mai Đăng H hiện đang được Quý Tòa xem xét giải quyết theo Thông báo thụ lý số 127/TB-TLVA ngày 04/9/2019. Nay, chúng tôi bảo lưu các ý kiến này và tóm tắt lại các luận điểm chính của Công ty C như dưới đây để Quý Tòa xem xét và giải quyết:

1. Trên thực tế, Ông H có tham gia quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty C và trong quá trình đó, Công ty C nhận thấy có nhiều dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự từ ông H. Sự liên quan của ông H được thể hiện qua nhiều email trao đổi giữa ông H và các nhân sự của Công ty C; qua biểu hiện của ông H trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa khi ông H tỏ ra rất am hiểu các hoạt động nội bộ của Công ty C cũng như nắm giữ nhiều tài liệu nội bộ của Công ty C và qua kết luận hành vi vi phạm của Sở Ngoại vụ.

2. Công ty C hoàn toàn có quyền tố cáo theo Điều 30.1 Hiến pháp 2013, Điều 25.1 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 (tương ứng với Điều 5.2 Bộ luật tố tụng hình sự 2015). Công ty C đã thực hiện đúng quyền tố cáo được pháp luật cho phép của mình, cung cấp một cách trung thực các thông tin Công ty C có được cũng như các tài liệu mà Công ty C cung cấp cho cơ quan điều tra. Các tài liệu, bằng chứng này là các dữ liệu có thật, không hề nguy hại nhằm xâm phạm trái pháp luật đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H. Trong suốt quá trình điều tra, Công ty C cũng cung cấp các bản giải trình, lời khai để làm rõ dấu hiệu vi phạm của ông H. Công ty C đã thực hiện đúng quyền của mình trong vai trò là một người báo tin khi có dấu hiệu phạm tội của ông H. Còn lại, việc xác định ông H có vi phạm pháp luật hình sự hay không thuộc thẩm quyền của cơ quan điều tra. Công ty C một lần nữa khẳng định rằng Công ty C đã thực hiện quyền tố cáo một cách hợp pháp mà không xâm phạm trái pháp luật đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền, lợi ích của ông H như ông H đã lập luận.

3. Về mối liên hệ giữa việc tố cáo của Công ty C và việc ông H bị điều chuyển công tác, dựa trên bản kết luận của Sở ngoại vụ Thành phố Đ về các hành vi vi phạm của ông H, có thể thấy việc ông H bị điều chuyển công tác xuất phát từ rất nhiều lý do, trong đó đa phần là các sai phạm nghiêm trọng trong quá

trình đương nhiệm. Do đó, việc ông H cáo buộc rằng chỉ vì Công ty C mà ông H bị điều chuyển công tác là hoàn toàn vô căn cứ. Tuy nhiên, Công ty C muốn nhấn mạnh rằng thậm chí dù cho việc tố cáo của Công ty C là nguyên nhân chính dẫn đến việc ông H bị cách chức đi chăng nữa, Công ty C cũng không có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của ông H như xin lỗi công khai, cải chính hay bồi thường thiệt hại, bởi lẽ Công ty C không có hành vi vi phạm pháp luật.

4. Về khoản bồi thường về sức khỏe, các hóa đơn viện phí ông H cung cấp không thể hiện nội dung, nguyên nhân ông H nhập viện cũng như không có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi tố cáo hợp pháp của Công ty C với yêu cầu của ông H. Dựa trên các sự kiện và cơ sở pháp lý trình bày trên đây, Công ty C cho rằng các yêu cầu của ông H tại Đơn khởi kiện là hoàn toàn không có cơ sở và kính đề nghị Quý Tòa xem xét bác toàn bộ các yêu cầu này.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án bị đơn đã được nguyên đơn sao gửi đầy đủ, thống nhất và không có ý kiến gì.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Kamogari Y trình bày: ông Kamogari Y giữ chức vụ tổng giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty C. Công ty C có hai cổ đông là Công ty cổ phần C1, một doanh nghiệp Nhật Bản và ông Nguyễn Xuân T. Trong thời gian hoạt động, các thành viên tham gia ban điều hành Công ty C về phía các cổ đông Việt Nam ngoài ông T, còn có ông Mai Đăng H. Do ông Kamogari Y thường ở Nhật Bản, ông H và ông T có trực tiếp quản lý nhiều công việc tại Công ty C.

Đến năm 2016, trong nội bộ Công ty C xảy ra rất nhiều vấn đề sai phạm nghiêm trọng liên quan đến vốn công ty, các giao dịch với các đối tác bên ngoài. Qua xem xét lại toàn bộ sổ sách và quá trình hoạt động Công ty C nhận thấy có nhiều dấu hiệu vi phạm rõ ràng từ ông H cùng nhiều cá nhân khác. Do đó, thực hiện đúng quyền tố cáo của một doanh nghiệp theo pháp luật hình sự Việt Nam, Công ty C đã nộp đơn tố cáo đối với ông Mai Đăng H cùng các bằng chứng cụ thể chứng minh cho đơn tố cáo của mình. Chúng tôi thấy rằng việc tố cáo của

Công ty C là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc ông H bị điều chuyển công tác là theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, không liên quan đến Công ty C. Công ty C đã tuân thủ pháp luật, cung cấp thông tin hoàn toàn khách quan, đúng sự thật đến Cơ quan điều tra. Do đó kính đề nghị quý tòa xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện thiếu căn cứ của ông H.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Imura T trình bày: Công ty C có hai cổ đông là Công ty cổ phần C1, một doanh nghiệp Nhật Bản và ông Nguyễn Xuân T, với người đại diện theo pháp là ông Kamogari Y. Ông Imura T giữ chức vụ Quản lý sản xuất của Công ty C.

Trong thời gian hoạt động, các thành viên tham gia ban điều hành Công ty C về phía các cổ đông Việt Nam ngoài ông T, còn có ông Mai Đăng H. Do ông Kamogari Y thường ở Nhật Bản, ông H và ông T có trực tiếp quản lý nhiều công việc tại Công ty C.

Đến năm 2016, trong nội bộ Công ty C xảy ra rất nhiều vấn đề sai phạm nghiêm trọng liên quan đến vốn công ty, các giao dịch với các đối tác bên ngoài. Qua xem xét lại toàn bộ sổ sách và quá trình hoạt động Công ty C nhận thấy có nhiều dấu hiệu vi phạm rõ ràng từ ông H cùng nhiều cá nhân khác. Do đó, thực hiện đúng quyền tố cáo của một doanh nghiệp theo pháp luật hình sự Việt Nam, Công ty C đã nộp đơn tố cáo đối với ông Mai Đăng H cùng các bằng chứng cụ thể chứng minh cho đơn tố cáo của mình. Chúng tôi thấy rằng việc tố cáo của Công ty C là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc ông H bị điều chuyển công tác là theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, không liên quan đến Công ty C. Công ty C đã tuân thủ pháp luật, cung cấp thông tin hoàn toàn khách quan, đúng sự thật đến Cơ quan điều tra. Do đó kính đề nghị quý tòa xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện thiếu căn cứ của ông H.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày ý kiến: Đơn tố cáo của Công ty C đối với ông H là hoàn toàn bịa đặt dựa trên các nội dung không có thực, cụ thể như sau: trong đơn tố cáo ông Y nói

là làm theo gợi ý của ông Mai Đăng H và ông H có ý định lừa đảo từ đầu là có ý vụ không nhằm làm ảnh hưởng đến uy tín và danh dự của ông H. Chính Ông Mai Đăng H giới thiệu ông Nguyễn Tấn B với phía đối tác Nhật Bản nhằm tập hợp các công trình xây dựng của Công ty C. Như vậy, trong đơn tố cáo của ông Y nói ông Mai Đăng H cấu kết với ông Nguyễn Tấn B là duy nhất để ép giá Công ty C là vụ không. Khi yêu cầu Công ty M&H thực hiện việc kiểm toán, ông Mai Đăng H đã tức giận và hăm dọa phía Nhật Bản, đại diện Công ty M&H cũng bị ông H dọa dẫm, bức ép, ông Mai Đăng H đã nhiều lần đe dọa tôi (Y), ông Kamokari H và Imura T. Vấn đề tố cáo này của Công ty C là hoàn toàn bịa đặt, ông Mai Đăng H hoàn toàn không can thiệp vào bất kỳ hoạt động kinh doanh nào của Công ty C, do đó sẽ không có chuyện ông H đi đe dọa người này hay người khác trong Công ty C như trình bày trong đơn tố cáo. Ngoài ra Công ty C còn cho rằng chính ông Mai Đăng H là người gây ra tổn thất lớn cho nhà đầu tư Nhật Bản là Công ty C1. Do đó, việc ông Y và Công ty C tự đưa ra quan điểm cá nhân cho rằng ông Mai Đăng H lừa đảo rút tiền và gây ra tổn thất lớn cho Công ty C là hoàn toàn bịa đặt vô cớ.

Trước đó năm 2015 Công ty C đã gửi đơn đưa thông tin sai sự thật về ông H gửi lên Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam để nhờ hỗ trợ. Như vậy, đây là hành vi vu khống rõ ràng, bịa đặt loan tin sai sự thật của Công ty C nhằm hạ thấp uy tín và danh dự của ông Mai Đăng H (thực hiện hành vi trước thời điểm Công ty C cho rằng phát hiện ra hành vi vi phạm của ông Mai Đăng H).

Đầu năm 2019, Công ty C tiếp tục thông tin đến Đại Sứ quán Nhật tại Việt Nam bịa đặt về ông Mai Đăng H, bao gồm: Không hợp tác khi lập biên bản cuộc họp nếu những nội dung đàm phán gây bất lợi cho ông H, gây sức ép với nhân viên cũng như đột nhập vào phòng làm việc của ông IMURA, giám đốc Công ty C để thu thập thông tin gây bất lợi cho Công ty C, gây sức ép với công ty kế toán, kế toán viên, luật sư... đang hỗ trợ Công ty C tiến hành thủ tục thanh quyết toán với ông H để người này từ chối tiếp tục hỗ trợ Công ty C, tổ chức một nhóm đi xe máy bám đuôi ông IMURA.. những điều này hoàn toàn là vu khống và bịa đặt thông tin đối với ông Mai Đăng H.

Từ những sự phân tích trên đây có thể thấy đơn tố cáo của Công ty C là hoàn toàn dựa trên lập luận chủ quan, duy ý chí mà không đưa ra được chứng cứ xác thực, nội dung tố cáo hoàn toàn bịa đặt nhằm xúc phạm và hạ thấp uy tín của ông Mai Đăng H. Như vậy hành vi của Công ty C là cố tình vu khống làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông Mai Đăng H, làm xáo trộn công việc và cuộc sống của ông Mai Đăng H. Ông Mai Đăng H khởi kiện yêu cầu Hội đồng xét xử buộc Công ty C phải đưa ra thông tin xin lỗi, cải chính công khai do hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm đối với ông Mai Đăng H là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật

Những cáo buộc của Công ty C đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của ông H. Chính vì sức ép dư luận quá lớn khiến sức khỏe của ông H bị ảnh hưởng trầm trọng, vào tháng 9 và tháng 10/2017 ông H đã phải nhập viện tại Bệnh viện đa khoa quốc tế Vũ Anh và được chẩn đoán tăng huyết áp, viêm dây thần kinh ngoại biên và rối loạn chức năng tiền đình. Toàn bộ chi phí viện phí và chi phí đi lại trong quá trình điều trị là 36.640.935 đồng.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 591 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 592 Bộ luật dân sự 2015 và Khoản 3 Mục 2 Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm bao gồm: Chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại; Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút và Thiệt hại khác do luật quy định. Đối với hành vi tố cáo sai sự thật của Công ty C đã gây ra áp lực rất lớn cho ông Mai Đăng H, đến nỗi ông H phải nhập viện để điều trị với chi phí là 36.640.935 đồng. Chiếu theo quy định pháp luật được viện dẫn trên đây thì Công ty C phải gánh chịu và thanh toán cho ông H. Tại Khoản 2 Điều 591 của Bộ luật dân sự năm 2015 cũng đã quy định thêm rằng, ngoài việc bồi thường như khoản 1 trên đây thì người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm không quá mười

lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Do các bên không thỏa thuận được nên chúng tôi lấy mức tối đa theo luật định là 10 lần mức lương cơ sở = 10 x 1.300.000 đồng = 13.000.000 đồng.

Từ những sự phân tích trên đây, chúng tôi đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 30 Hiến pháp năm 2013, Khoản 1, Khoản 5 Điều 34, Khoản 1 Điều 591, Khoản 1, Khoản 2 Điều 592 của Bộ luật dân sự năm 2015, Khoản 3, Mục 2 Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Mai Đăng H buộc Công ty C phải đưa ra thông tin xin lỗi, cải chính công khai do hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín đối với ông Mai Đăng H và bồi thường thiệt hại cho ông Mai Đăng H do hành vi trái pháp luật của mình gây ra với số tiền là 49.640.935 đồng.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày ý kiến: Công ty C đã tố cáo ông H đúng pháp luật thể hiện Công ty C có quyền tố cáo và đã thực hiện đúng quyền này của mình theo quy định của pháp luật được quy định tại Điều 30.1 của Hiến pháp, Điều 25.1 của BLTTHS 2003; Điều 2.1 của Luật Tố cáo 2011. Công ty C đã tiến hành tố cáo theo đúng quy trình luật đã quy định, nộp đơn tố cáo cho Cơ quan An ninh điều tra, trong đó chỉ nêu ra các thông tin họ biết, trình bày các vấn đề ông H có những dấu hiệu vi phạm hình sự và không cung cấp bất kỳ thông tin nào cho cơ quan báo chí hay bên thứ ba. Vào năm 2016, do phát hiện nhiều vấn đề nghiêm trọng tại Công ty C có dấu hiệu kết hợp vi phạm từ ông H, ông T và nhiều nhân sự liên quan khác, cụ thể: Chỉ dẫn Công ty C Nhật Bản chuyển tiền góp vốn vào tài khoản không phải tài khoản vốn của Công ty C; Nhiều giao dịch, hợp đồng có chữ ký của ông Kamogari Y bị giả mạo và các vấn đề khác như đã nêu tại Đơn tố cáo nộp ngày 21/9/2016 trong bộ hồ sơ khởi kiện của ông H.

Việc ông H bị điều chuyển công tác không phải xuất phát từ việc Công ty C tố cáo, Sở Ngoại vụ Thành phố Đ là một Cơ quan Nhà nước có cơ cấu quản lý chặt chẽ theo các quy định pháp luật về quản lý Nhà nước liên quan nên việc điều chuyển nhân sự xuất phát và kết hợp từ rất nhiều lý do, luôn phải dựa trên

một sự hợp lý và các quy định pháp lý. Các bằng chứng mà ông H đưa ra gồm Quyết định điều chuyển ngày 11/11/2016, Thông báo về việc phân công nhiệm vụ ngày 12/01/2017, Báo cáo về việc giải quyết KH nại số 69/CV/BSCUBND của Ban cán sự đảng UBND Thành phố Đ ngày 27/3/2017 đều hoàn toàn không thể hiện lý do, căn cứ cho việc ông H bị điều chuyển công tác là vì đơn tố cáo của Công ty C. Qua quá trình đặt câu hỏi và trả lời tại Tòa, ông H cũng công nhận là Quyết định kỷ luật bên Đảng là đúng và dựa trên hai Quyết định số 7824 ngày 11/11/2016 của UBND Đ về việc điều chuyển công việc từ Sở Ngoại vụ về Sở Nội vụ và Quyết định 1559 ngày 17/4/2018 về kỷ luật cảnh cáo đều ghi nhận là quá trình điều chuyển công tác dựa trên các căn cứ pháp luật. Nguyên nhân dẫn đến việc ông H điều chuyển công tác là do nhiều sai phạm của ông H trong quá trình đương nhiệm chứ không phải do đơn tố cáo của Công ty C.

Các khoản tiền ông H phải trả không có mối quan hệ nhân quả từ việc tố cáo hợp pháp của Công ty C: Việc tố cáo các dấu hiệu vi phạm pháp luật của ông H thuộc quyền của Công ty C được pháp luật cho phép. Về khoản bồi thường về sức khỏe, các hóa đơn viện phí tại bệnh viện Bệnh viện Vũ Anh mà ông H cung cấp không thể hiện nội dung, nguyên nhân ông H nhập viện, không có hồ sơ bệnh, chi tiết và nguyên nhân gây bệnh, không thể hiện được rằng các bệnh đó là do việc tố cáo của Công ty C. Ông H không chứng minh được việc tố cáo của Công ty C có lỗi vi phạm pháp luật, không chứng minh được việc tố cáo của Công ty C là nguyên nhân trực tiếp và nhân quả làm cho ông H bị điều chuyển công tác, dẫn đến các thiệt hại của ông H và mối liên hệ nhân quả giữa việc tố cáo của Công ty C với các thiệt hại của ông H về sức khỏe và uy tín nên Công ty C đề nghị Tòa án tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông H đối với Công ty C.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Y, ông Imura trình bày ý kiến vai trò ông Y và ông Imura là những người của Công ty C mà thôi và mối quan hệ tranh chấp trong trường hợp này phát sinh chính từ Công ty C và ông Mai Đăng H, ông Y kí đơn với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty C chứ không phải cá

nhân của hai ông vì vậy tôi đề nghị HĐXX xem xét đúng vai trò của các ông chỉ trong việc của Công ty C chứ không liên quan đến việc khởi kiện của ông H để tập trung xem xét nghĩa vụ của các bên chính là nguyên đơn và bị đơn trong trường hợp này và xem phán quyết không đưa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào trong vụ án, chỉ giải quyết theo yêu cầu của bị đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 30 Hiến pháp 2013, Điều 101 BLTHS năm 2003; Điều 9, Điều 604, 605 BLDS năm 2005; Mục 1.1 Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Đăng H về việc:

1. Phải đưa ra thông tin xin lỗi, cải chính công khai do hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín đối với ông Mai Đăng H;

2. Yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của mình gây ra với số tiền là 49.640.935 đồng, trong đó:

+ Khoản tiền để điều trị sức khỏe trong thời gian bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm là 36.640.935 đồng;

+ Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm: 13.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1] Ông Mai Đăng H có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần C (viết tắt là Công ty C) phải đưa ra thông tin xin lỗi, cải chính công khai và bồi thường

thiệt hại do hành vi trái pháp luật với số tiền là 49.640.935 đồng. Đây là tranh chấp về yêu cầu xin lỗi, cải chính công khai và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và Công ty C có địa chỉ trụ sở Lô C3-7 KCN Dịch vụ thủy sản Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo quy định theo khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Ông Mai Đăng H khởi kiện cho rằng ngày 21/9/2016 Công ty C có đơn tố cáo ông H đến Cơ quan an ninh điều tra Công an thành phố Đ với nội dung: Ông H đã can thiệp vào hoạt động kinh doanh của Công ty C; Cấu kết với Phó Tổng Giám đốc nhằm chiếm đoạt vốn đầu tư; Cấu kết với nhà đầu tư xây dựng để rút ruột công trình. Đồng thời ông H đã có lời lẽ đe dọa xâm hại tính mạng của nhà đầu tư Nhật Bản. Việc tố cáo của Công ty C là hoàn toàn sai sự thật vì ông H không can thiệp vào bất kỳ hoạt động kinh doanh nào của Công ty C. Nội dung tố cáo của Công ty C là bịa đặt, nhằm xúc phạm và hạ thấp uy tín của ông H. Do xuất phát từ việc tố cáo không đúng sự thật của Công ty C nên ngày 11/11/2016 ông H nhận quyết định điều động công chức lãnh đạo, quản lý từ Phó giám đốc Sở Ngoại Vụ thành phố Đ đến nhận công tác là nhân viên Phòng Tổ chức biên chế Sở Nội Vụ thành phố Đ, ngày 13/02/2018 ông H bị kỷ luật Đảng theo quyết định số 9317-QĐ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy và ngày 17/4/2018 ông H nhận quyết định về việc thi hành kỷ luật công chức. Chính vì sức ép dư luận quá lớn khiến sức khỏe của ông H bị ảnh hưởng trầm trọng nên vào tháng 9 và tháng 10/2017 ông H phải nhập viện tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh và được chẩn đoán tăng huyết áp, viêm dây thần kinh ngoại biên và rối loạn chức năng tiền đình. Toàn bộ chi phí viện phí và chi phí đi lại trong quá trình điều trị là 36.640.935 đồng.

[3] Nay ông H yêu cầu Công ty C phải đưa ra thông tin xin lỗi, cải chính công khai và bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật với số tiền là 49.640.935 đồng. Phía Công ty C cho rằng đã thực hiện quyền tố cáo theo đúng

quy định của Hiệp pháp 2013 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, đã cung cấp thông tin một cách trung thực cho Cơ quan điều tra. Việc ông H bị điều chuyển công tác, bị xử lý kỷ luật là do ông H có nhiều sai phạm trong quá trình công tác chứ không phải do đơn tố cáo hợp pháp của Công ty C. Các khoản bồi thường về sức khỏe, hóa đơn viện phí ông H cung cấp không thể hiện nội dung, nguyên nhân ông H nhập viện cũng như không có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi tố cáo hợp pháp của Công ty C với yêu cầu của ông H nên đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông H, Hội đồng xét xử thấy:

Theo Hiến pháp năm 2013 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì mọi người có quyền khiếu nại tố cáo với cơ quan tổ chức có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Việc Công ty C tố cáo ông H đến Cơ quan An ninh Điều tra Công an thành phố Đ là hành vi hợp pháp, không có lỗi. Còn việc điều tra xác minh nguồn tin xử lý như thế nào là thuộc thẩm quyền của cơ quan chức năng.

Theo cung cấp của Cơ quan An ninh Điều tra Công an thành phố Đ thì Công ty C có đơn tố cáo gửi đến Cơ quan an ninh điều tra Công an thành phố Đ với nhiều nội dung, liên quan đến ông Nguyễn Xuân T (Phó giám đốc Công ty Cổ phần C), Công ty P do ông Phan Thanh T làm giám đốc, cá nhân ông Nguyễn Tấn B có dấu hiệu tội phạm nên Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành khởi vụ án để điều tra. Còn những nội dung khác không có dấu hiệu tội phạm nên không tiến hành điều tra và Cơ quan an ninh điều tra cũng không triệu tập ông H đến làm việc. Đồng thời việc tố cáo của Công ty C cũng không bị Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Đ xử lý vi phạm hành chính do tố cáo không đúng sự thật. Việc ông H nhận quyết định điều động công chức từ Sở ngoại vụ thành phố Đ đến nhận công tác tại Sở nội vụ thành phố Đ là thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý cán bộ công chức, cũng như việc ông H nhận quyết định thi hành kỷ luật công chức hay kỷ luật Đảng là do ông H có những vi phạm trong quá trình công tác, thực thi nhiệm vụ, không có căn cứ cho rằng là

do hành vi tố cáo của Công ty C gây ra. Mặt khác, ông H thừa nhận các quyết định xử lý kỷ luật trên là đúng nên không có khiếu nại lên cấp có thẩm quyền để xem xét các quyết định xử lý kỷ luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông H có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ thể hiện ông H có điều trị bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh với chi phí viện phí và chi phí đi lại trong quá trình điều trị là 36.640.935 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc điều trị bệnh của ông H là có thật nhưng không có căn cứ xác định bệnh tình của ông H là do Công ty C gây ra. Ông H cũng không chứng minh được thiệt hại xảy ra của ông H là do hành vi trái pháp luật của Công ty C.

Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị quyết số 03/2006/NQ- HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự 2005 trong việc giải quyết các tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chỉ phát sinh khi có đầy đủ các yếu tố: phải có hành vi trái pháp luật, phải có thiệt hại xảy ra, phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái pháp luật, phải có lỗi cố ý hoặc vô ý. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H cũng như luận cứ của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H về việc buộc Công ty C phải đưa ra thông tin xin lỗi, cải chính công khai và bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật với số tiền là 49.640.935 đồng, như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về án phí:

Do không chấp nhận yêu cầu xin lỗi, cải chính công khai nên nguyên đơn phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đối với yêu cầu của ông H về bồi thường sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 30 của Hiến pháp năm 2013;

- Căn cứ Điều 25, Điều 101 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

- Căn cứ Điều 9, Điều 604, Điều 609, Điều 611 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 03/2006/NQ- HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự 2005 trong việc giải quyết các tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Đăng H đối với bị đơn Công ty Cổ phần C về việc phải đưa ra thông tin xin lỗi, cải chính công khai và bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật với số tiền là 49.640.935 đồng.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn đơn phải chịu. Đã nộp theo biên lai thu số 008088 ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về bồi thường sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

Báo cho những người tham gia tố tụng biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÔ THỊ THY TUYẾT

